

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Sản xuất, Xây dựng

3. Hoạt động kinh doanh chính

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
- Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Tổng số các công ty con

: 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

03

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

-

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Số 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	67%	51%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long (*)	BT3, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	36%	31%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng (**)	Bản Tin Tốc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	62,58%	70%

- (*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng Công ty Cổ phần Sông Đà 11 có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp hội đồng quản trị của Công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long bị Công ty Cổ phần Sông Đà 11 kiểm soát và được hợp nhất trong báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(**) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng là 70% bao gồm:

Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 25%

Tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp qua Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long là 40%

Tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 5%.

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật điện Sông Đà	Tầng 5 TTTM, số 08 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	36,12%	33,12%
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Tòa nhà HH4, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	36%	36%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 1.558 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 1668 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	=	Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ	-	Thu nhập chịu thuế tính trước	-	Các khoản phụ phí (nếu có)	-	Chi phí quản lý ước tính	-	Lãi vay ước tính (nếu có)
---	---	---	---	-------------------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------	---	---------------------------------

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Tập đoàn và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh 11.7 trước khi Công ty chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động khai thác đá.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của Tập đoàn chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.131.018.445	4.003.659.234
Tiền gửi ngân hàng	51.630.015.511	25.104.610.935
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	11.000.000.000
Cộng	52.761.033.956	40.108.270.169

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác		19.452.000.000	-	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.000.000	10.000.000.000	-	-
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 ⁽ⁱ⁾	595.200	5.952.000.000	-	-
Công ty CP Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	150.000	1.500.000.000	-	-
Cộng		19.452.000.000		-

(i) Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 595.200 cổ phiếu.

(ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong kỳ	(780.000.000)	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(780.000.000)	

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về khối lượng xây lắp	318.102.421.300	248.381.827.711
Phải thu về cung cấp điện, nước	13.829.098.757	36.349.037.600
Phải thu tiền bán thành phẩm	6.617.205.856	3.381.715.484
Cộng	338.548.725.913	288.112.580.795

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	28.219.111.325	19.803.216.971
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	12.087.790.032	5.352.062.841
Trả trước cho nhà cung cấp điện	-	10.000.000
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	673.293.625	589.391.398
Cộng	40.980.194.982	25.754.671.210

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của CBCNV	2.665.482.441	2.012.577.568
Phải thu các đội công trình	3.627.312.692	5.119.029.639
BDH DA thủy điện Hòa Na	1.117.515.001	2.491.848.729
Tiền đền bù phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long cho Công trình Buôn Kuốp - Đăknông	-	333.165.350
Tiền vật tư nhiên liệu	843.856.978	137.795.520
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	158.503.664	158.503.664
Tiền tạm ứng phải thu các CBCNV đã nghỉ việc	-	208.094.908
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư	3.507.425.028	522.245.922
Tiền đền bù do mất vật tư	745.190.200	-
Tiền lãi trái phiếu phải thu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	66.207.500
Các khoản phải thu khác	5.088.704.394	1.196.226.503
Cộng	17.753.990.398	12.245.695.303

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(574.013.182)	(589.669.303)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(88.217.147)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	(104.171.379)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(574.013.182)	(397.280.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(574.013.182)	(589.669.303)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(589.669.303)	(470.775.405)
Trích lập dự phòng bổ sung	(47.138.667)	(127.893.898)
Hoàn nhập dự phòng	62.794.788	9.000.000
Số cuối năm/kỳ	(574.013.182)	(589.669.303)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	1.530.422.738	582.565.449
Nguyên liệu, vật liệu	21.041.391.237	19.036.045.112
Công cụ, dụng cụ	924.192.435	502.220.307
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	150.984.138.576	187.588.690.371
Thành phẩm	1.036.308.348	1.036.308.348
Cộng	175.516.453.334	208.745.829.587

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	11.922.728	30.859.955
Tiền sửa chữa lớn tài sản cố định	78.932.500	8.578.169
Chi phí QLDN	-	-
Chi phí bóc phủ	-	-
Chi phí cải tạo lòng hồ	-	-
Chi phí thí nghiệm	-	-
Cộng	90.855.228	39.438.124

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	26.267.416.643	31.680.049.909
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.863.366.393	52.560.219
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	28.180.783.036	31.782.610.128

11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn về khối lượng xây lắp thực hiện.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	84.173.322.612	64.738.709.640	33.578.538.867	2.199.413.924	24.976.190	184.714.961.233
Tăng trong kỳ	6.097.715.758	2.128.877.454	66.952.173	109.090.909	-	9.348.818.112
Mua trong kỳ	-	2.128.877.454	66.952.173	109.090.909	-	2.304.920.536
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.097.715.758	-	-	-	-	6.097.715.758
Giảm trong kỳ do thanh lý	-	(1.804.541.732)	-	(196.627.167)	-	(2.001.168.899)
Số cuối kỳ	90.271.038.370	65.063.045.362	33.645.491.040	2.111.877.666	24.976.190	191.116.428.628

Trong đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	500.347.453	2.649.619.414	5.446.392.474	703.429.929	24.976.190	9.324.765.460
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13.428.209.697	21.628.816.010	17.217.614.081	1.460.501.772	24.976.190	53.760.117.750
Tăng trong kỳ do khấu hao	4.036.099.870	6.111.821.412	3.579.518.065	281.338.535		14.008.777.882
Giảm trong kỳ do thanh lý		(804.756.732)		(196.627.167)		(1.001.383.899)
Số cuối kỳ	17.464.309.567	26.935.880.690	20.797.132.146	1.545.213.140	24.976.190	66.767.511.733
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	70.745.112.915	43.086.008.715	16.358.924.786	764.797.067	-	130.954.843.483
Số cuối kỳ	72.806.728.803	38.127.164.672	12.848.358.894	566.664.526		124.348.916.895

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	498.471.398	683.333.331	1.181.804.729
Tăng trong kỳ do khấu hao	-	72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ		571.418.438	783.333.327	1.354.751.765
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.097.820.000	230.999.028	316.666.669	5.645.485.697
Số cuối kỳ	5.097.820.000	158.051.988	216.666.673	5.472.538.661

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.780.462.000	3.359.797.680	3.719.188.545	-	1.421.071.135
XDCB dở dang	23.852.929.412	837.961.310	4.509.897.576	-	20.180.993.146
<i>Dự án khai thác và SX đá XD</i>	<i>4.339.439.394</i>		<i>- 4.339.439.394</i>		<i>-</i>
<i>Dự án khu dân cư Hòa Bình</i>	<i>1.274.269.613</i>	<i>315.898.682</i>			<i>1.590.168.295</i>
<i>Dự án khu đô thị Nhơn Trạch - Đồng Nai</i>	<i>2.204.468.991</i>				<i>2.204.468.991</i>
<i>Chi phí xây dựng</i>					

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>kho xưởng</i>	-	170.458.182	170.458.182		-
<i>Dự án Khu đô thị Vĩnh Thanh - Phú Thạnh</i>	3.787.482.022	-	-		3.787.482.022
<i>Công trình nhà văn phòng Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long</i>	161.000.000	-	-		161.000.000
<i>Nhà máy Thủy điện To Bông</i>	12.086.269.392	351.604.446			12.437.873.838
Sửa chữa lớn TSCĐ	239.630.730	57.692.727	-	127.616.248	169.707.209
Cộng	25.873.022.142	4.255.451.717	8.229.086.121	127.616.248	21.771.771.490

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ⁽ⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	36,12%	9.421.229.553	36,12%	8.664.343.642
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	36%	10.560.015.908	36%	10.592.866.054
Cộng			19.981.245.461		19.257.209.696

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 632.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Tăng do điều chỉnh lợi nhuận	Giảm do PP quỹ khen thưởng, khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	8.664.343.642	769.750.318	63.455.922	(76.320.329)	9.421.229.553
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	10.592.866.054	1.229.340.734	-	(1.262.190.880)	10.560.015.908
Cộng	19.257.209.696	1.999.091.052	63.455.922	(1.338.511.209)	19.981.245.461

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác	500.000	5.000.000.000	745.200	26.652.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà</i>	-	-	595.200	5.952.000.000
<i>Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch</i>	-	-	150.000	1.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên</i>	-	-	-	2.200.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội</i>	-	-	200.000	2.000.000.000
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>	500.000	5.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Cộng		5.000.000.000		26.652.000.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong kỳ	(463.456.640)	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(463.456.640)	

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí CCDC	1.814.889.400	364.319.599	1.859.993.380	319.215.619
Chi phí bóc phủ khai thác dự án đá	1.311.636.363	-	327.909.092	983.727.271
Chi phí mở rộng cải tạo lòng hồ	1.053.423.801	-	1.053.423.801	-
Thương hiệu Sông Đà	987.500.000	-	225.000.000	762.500.000
Lợi thế thương mại	493.750.000	-	150.000.000	493.750.000
CT toà nhà quốc hội		-	60.506.685	-
Chi phí sửa chữa		58.181.818		58.181.818
Chi phí ISO	60.506.685	64.000.000	64.000.000	-
Cộng	5.721.706.249	486.501.417	3.740.832.958	2.617.374.708

19. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**20. Lợi thế thương mại**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	3.700.000.000	3.700.000.000
Số đã phân bổ		
Số đầu năm	(1.665.000.000)	(925.000.000)
Phân bổ trong kỳ	(740.000.000)	(370.000.000)
Số cuối kỳ	(2.405.000.000)	(1.295.000.000)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.035.000.000	2.775.000.000
Số cuối kỳ	1.295.000.000	2.405.000.000

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	135.166.862.193	118.214.307.085
Vay ngắn hạn ngân hàng		
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung</i>	63.115.398.295	49.209.173.781
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội</i>	-	4.919.626.726
<i>Ngân hàng NN&PTNT – CN Láng Hạ</i>	28.667.052.230	49.689.950.327
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	6.542.049.666	14.395.556.251
<i>Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Đông Đô</i>	-	-
<i>Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Hà Tây</i>	33.517.766.523	-
<i>Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam – CN Đồng Nai</i>	3.324.595.479	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		2.000.000.000
<i>Ông Hà Văn Cường</i>		1.000.000.000
<i>Ông Đỗ Quang Cường</i>		1.000.000.000
	12.002.592.535	14.646.375.385
Vay dài hạn đến hạn trả		
<i>Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Điện Biên</i>	8.830.000.000	8.830.000.000
<i>Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Đông Đô</i>	1.636.000.000	1.289.700.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương-CN Quang Trung</i>	1.472.385.869	3.638.856.913
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>	-	504.500.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	64.206.666	256.826.664
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội</i>	-	126.491.808
Cộng	147.169.454.728	134.860.682.470

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	118.214.307.085	323.704.348.900	306.751.693.692	135.166.962.293
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000		2.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	14.646.375.385	11.072.733.286	13.716.516.128	12.002.592.543
Cộng	134.860.682.470	334.777.082.186	322.468.209.820	147.169.554.836

22. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	90.342.343.939	59.456.548.898
Phải trả nhà cung cấp điện	119.141.139	359.241.296
Phải trả nhà thầu xây lắp	73.800.014.282	113.901.121.313
Phải trả nhà cung cấp khác	2.734.885.752	3.597.923.645
Cộng	166.996.385.112	177.314.835.152

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	71.631.938.661	86.653.694.730
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	321.034.451	91.422.854
Cộng	71.952.973.112	86.745.117.584

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.283.387.477	70.958.339.123	59.896.181.979	25.345.544.621
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.778.176.595	5.402.862.994	4.424.005.846	7.757.033.743
Thuế thu nhập cá nhân	552.818.635	784.395.677	349.628.325	987.585.987
Thuế tài nguyên	360.318.269	834.574.302	404.685.535	790.207.036
Thuế nhà đất	135.722.069	9.972.283	29.916.849	115.777.503
Tiền thuê đất	31.075.380	108.990.140	77.914.760	62.150.760
Các loại thuế khác	-	24.500.000	24.500.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21.723.975	244.442.746	103.720.274	162.446.447
Cộng	22.163.222.400	78.368.077.265	65.310.553.568	35.220.746.097

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty đang áp dụng mức thuế suất ưu đãi và thời gian miễn giảm thuế theo nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp” với thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.039.009.102	29.213.824.196
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.657.059.015)	176.916.036
- Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện	(958.224)	
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	2.136.590.261	2.316.945.785
Tiền phạt thuế, BHXH	1.181.835.261	15.532.690
Thù lao HĐQT không điều hành	128.000.000	82.000.000
Chi phí không được trừ	86.755.000	1.479.413.095
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	740.000.000	740.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm khác		(2.140.029.749)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.793.600.000)	
Lãi trong Công ty liên kết	(1.999.091.052)	(2.140.029.749)
Thu nhập chịu thuế	34.381.950.087	29.390.740.232
Thu nhập được miễn thuế	(9.932.139.943)	
Thu nhập tính thuế	24.449.810.144	29.390.740.232
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.427.464.856	7.347.685.058
Thuế TNDN được giảm 30% theo nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012	(1.785.918.126)	
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các kỳ trước		33.211.981
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.641.546.730	5.623.949.661

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/giá tính thuế.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	33.679.271.371	30.544.501.747
Chi phí lãi vay dự trả	196.109.035	226.842.860
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	405.558.591	5.575.944.339
Chi phí phải trả khác	8.030.477.475	1.236.663.348
Cộng	42.311.416.472	37.583.952.294

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.739.819.515	2.684.420.464
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	5.017.413.833	4.325.616.608
Phải trả các đội tiền khoán công trình	22.738.997.387	29.697.523.192
Tiền vay vốn thi công công trình Xêkaman 3	-	-
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	2.273.952.076	824.380.737
Nhận ủy thác đầu tư góp vốn vào CTCP thủy điện Cao Nguyên Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	568.434.549	105.400.282
Cổ tức phải trả các cổ đông	5.399.966.173	5.088.767.855
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	-	1.000.000.000
Tiền lương phải trả	-	-
Phải trả do chi quá tạm ứng	2.003.222.922	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.843.736.686	2.596.729.205
Cộng	47.638.043.141	48.345.338.343

27. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí bảo hành công trình xây lắp.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	878.161.737	490.612.165	435.011.691	933.762.211
Quỹ phúc lợi	451.201.014	-	-	451.201.014

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
		863.381.361	884.603.631	429.978.744
Cộng	1.329.362.751	1.353.993.526	1.319.615.322	1.363.740.955

29. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn nhà thầu xây lắp.

30. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.500.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	-
Cộng	2.500.000.000	-

31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Điện Biên	22.086.546.906	30.916.546.906
Hợp đồng tín dụng 02/2004/HĐ-TDDH ⁽¹⁾	19.512.123.867	28.342.123.867
Hợp đồng tín dụng 03/2007/HĐ ⁽²⁾	2.574.423.039	2.574.423.039
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Đô	8.349.462.697	-
Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ⁽³⁾	469.600.000	-
Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ⁽⁴⁾	7.879.862.697	-
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	-	647.734.804
Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ⁽⁵⁾	286.000.000	286.000.000
Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ⁽⁶⁾	-	154.819.581
Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ⁽⁷⁾	-	206.915.223
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	210.819.656	337.311.464
Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ⁽⁸⁾	210.819.656	337.311.464
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	64.206.674
Hợp đồng vay số 090-0000889/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI ⁽⁹⁾	-	64.206.674
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	11.397.738.697
Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH	-	701.600.000
Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH	-	10.696.138.697
Cộng	30.646.829.259	43.363.538.545

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/9/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 30/06/2015, vay để mua xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 29/10/2019, vay để thực hiện đầu tư mua sàn tầng 7 – tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ngày 05/3/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác và sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”.
- (7) Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”.
- (8) Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 8 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”.
- (9) Hợp đồng vay số 090-0000889/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI ngày 07 tháng 4 năm 2010, thời hạn vay 36 tháng với mục đích mua xe ô tô.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	12.002.592.535	14.646.375.385
Trên 1 năm đến 5 năm	28.046.966.562	43.363.538.545
Trên 5 năm	2.599.862.697	-
Tổng nợ	<u>42.649.421.794</u>	<u>58.009.913.930</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân hàng ĐT&PT - CN Điện Biên	30.916.546.906	-	8.830.000.000	22.086.546.906
Ngân hàng ĐT&PT – CN Đông Đô	-	11.319.462.697	2.970.000.000	8.349.462.697
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	647.734.804		647.734.804	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội	337.311.464		126.491.808	210.819.656
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	64.206.674		64.206.674	
Công ty CP Tài chính Sông Đà	11.397.738.697		11.397.738.697	0
Cộng	<u>43.363.538.545</u>	<u>11.319.462.697</u>	<u>24.036.171.983</u>	<u>30.646.829.259</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	1.332.359.261
Số trích lập bổ sung	13.244.405
Hoàn nhập	(1.279.171.070)
Số đã chi	(66.432.596)
Số cuối kỳ	<u><u>0</u></u>

33. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động xây dựng, lắp đặt	812.986.467	2.279.258.840
Phí ủy thác góp vốn đầu tư	202.250.000	202.250.000
Cộng	<u><u>1.015.236.467</u></u>	<u><u>2.481.508.840</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

34. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	79.968.970.000	32.296.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	21.559.575.745	168.851.793.839
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	18.287.414.361	18.287.414.361
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(8.227.597.617)	(1.113.730.025)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(4.795.078.200)	(4.795.078.200)
Tăng giảm khác	-	250.000.000	-	-	-	(10.633.025)	239.366.975
Số dư cuối năm trước	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	26.813.681.264	181.469.766.950
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	26.813.681.264	181.469.766.950
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	26.403.786.892	26.403.786.892
Chia cổ tức năm 2011						(11.995.345.500)	(11.995.345.500)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	3.562.268.994	863.381.361	(5.779.643.881)	(1.353.993.526)
Điều chỉnh lợi ích trong Công ty con	-	-	-	-	-	(1.549.717.881)	(1.549.717.881)
Điều chỉnh lợi ích trong Công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.275.030.538)	(1.275.030.538)
Số dư cuối năm nay	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	32.617.730.356	191.699.466.397

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Sông Đà)	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	32.546.580.408	32.546.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
Cộng	112.387.491.823	112.387.491.823

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Trả cổ tức năm trước	17.271.005.500
Tạm ứng cổ tức	
Cộng	17.271.005.500

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu phổ thông	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.100	5.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu phổ thông	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

35. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	52.648.597.374	56.634.853.920
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	7.253.474.756	5.302.460.174
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	-	(2.750.000.000)
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(3.200.000.000)	(4.745.216.682)
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	(1.423.704.718)
Giảm do chia quỹ khen thưởng, phúc lợi	(313.991.786)	(369.795.320)
Số cuối kỳ	56.388.080.344	52.648.597.374

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	874.497.688.136	733.539.865.728
Doanh thu bán điện thương phẩm	23.126.814.419	16.704.827.698
Doanh thu hoạt động xây dựng	741.613.693.981	596.871.692.274
Doanh thu hoạt động khác	109.757.179.736	119.963.345.756
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(18.181.112)
- Giảm giá hàng bán	-	(18.181.112)
Doanh thu thuần	874.497.688.136	733.521.684.616

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	7.239.242.830	27.105.869.935
Giá vốn của hoạt động xây dựng	424.169.003.344	536.547.083.911
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	322.338.684.970	57.072.009.392
Cộng	753.746.931.144	620.724.963.238

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	39.725.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	477.051.607	591.247.654
Co tuc	2.982.496.050	
Phí bảo lãnh	1.984.632.086	397.763.776
Lãi chậm trả	128.938.014	912.547.944
Cộng	5.573.117.757	1.941.284.374

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.807.370.825	34.736.572.097
Phí bảo lãnh	2.877.492.833	1.715.702.822
Phí ủy thác đầu tư	200.000.000	
Chi phí tài chính khác	3.130.000	24.550.000
Cộng	31.887.993.658	34.476.824.919

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	36.201.518.622	31.207.438.579
Chi phí vật liệu quản lý	4.082.953.943	3.545.631.267
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.454.038.424	1.734.067.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.076.389.506	3.089.270.179
Thuế, phí và lệ phí	572.217.625	499.972.012
Chi phí dự phòng	1.227.800.519	118.893.898
Phân bổ lợi thế thương mại	740.000.000	740.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.358.279.214	5.142.643.771
Chi phí bằng tiền khác	7.577.060.303	7.902.732.682
Cộng	60.290.258.156	53.980.650.092

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.009.124.364	386.929.001
Thu bồi thường thiệt hại do bên nhà thầu gây ra	-	
Phí bảo lãnh công trình	153.330.287	113.521.984
Xử lý công nợ không phải trả	-	368.871.623
Thu nhập khác	3.242.312.802	1.095.944.596
Cộng	4.404.767.453	1.965.267.204

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	999.785.000	37.714.512
Phạt hành chính, phạt chậm nộp thuế, BHXH	1.115.034.667	1.020.692.644
Chi phí khác	135.603.396	113.596.342
Cộng	2.250.423.063	1.172.003.498

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.403.786.892	18.287.414.361
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.403.786.892	18.287.414.361
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.991.797	7.991.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.304	2.288

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.991.797	7.991.797
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.991.797	7.991.797

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh VII.6 đến VII.10 dưới đây.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Sông Đà		
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả bằng gán trừ	-	313.203.534

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
công nợ		
Nhận ứng trước tiền thi công công trình xây lắp		11.911.796.466
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</i>		
Giao dịch mua hàng		-
Giá trị xây lắp hoàn thành	4.719.912.795	-
Thuế GTGT	471.991.279	-
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	7.238.652	-
Giao dịch bán hàng		-
Cung cấp vật tư	240.157.639	-
Thuế GTGT	24.015.764	-
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>		
Giao dịch mua hàng		
Giá trị xây lắp hoàn thành	30.809.094.614	63.143.210.132
Thuế GTGT	3.080.909.461	6.314.321.013
Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán vật tư trong kỳ	185.142.689	826.795
Thuế GTGT	18.514.269	82.680
Giảm trừ doanh thu do quyết toán		(18.181.112)
Thuế GTGT		(1.818.111)
Giao dịch khác		
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	943.291.805	
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	364.235.777	364.235.777
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>	13.324.232.823	9.562.941.437
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	13.324.232.823	9.562.941.437
Cộng nợ phải thu	<u>13.688.468.600</u>	<u>9.927.177.214</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	1.903.853	1.903.853
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	1.903.853
Ứng trước thi công công trình xây lắp		-
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</i>	27.419.799.223	30.697.781.993
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	27.419.799.223	30.697.781.993
<i>Công ty Cổ phần kỹ thuật Điện Sông Đà</i>	3.240.221.381	-
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	3.240.221.381	-
Cộng nợ phải trả	<u>30.661.924.457</u>	<u>30.699.685.846</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	741.613.693.981	132.883.994.155	-	874.497.688.136
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	<u>87.950.568.182</u>	<u>670.724.924</u>	<u>(88.621.293.106)</u>	<u>-</u>
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>829.564.262.163</u>	<u>133.554.719.079</u>	<u>(88.621.293.106)</u>	<u>874.497.688.136</u>
Chi phí bộ phận	(512.119.571.526)	(330.248.652.724)	88.621.293.106	(753.746.931.144)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	317.444.690.637	(196.693.933.645)	-	120.750.756.992
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(60.290.258.156)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				60.460.498.836
Doanh thu hoạt động tài chính				5.573.117.758

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Chi phí tài chính				(31.887.993.658)
Thu nhập khác				4.404.767.453
Chi phí khác				(2.250.423.063)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				1.999.091.052
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.641.796.730)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>33.657.261.648</u>

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	596.853.511.162	136.668.173.454		733.521.684.616
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	78.294.670.716	64.336.245	(78.359.006.961)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>675.148.181.878</u>	<u>136.732.509.669</u>	<u>(78.359.006.961)</u>	<u>733.521.684.616</u>
Chi phí bộ phận	(658.158.052.300)	(94.102.231.746)	78.294.670.716	(673.965.613.330)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.990.129.578	42.630.277.953		59.556.071.286
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(740.000.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				58.816.071.286
Doanh thu hoạt động tài chính				1.941.284.374

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Chi phí tài chính				(34.476.824.919)
Thu nhập khác				1.965.267.204
Chi phí khác				(1.172.003.498)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				2.140.029.749
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.623.949.661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>23.589.874.535</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	721.721.182.914	75.832.941.311	-	797.554.124.225
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>64.175.684.836</u>
Tổng tài sản				<u>861.729.809.061</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	495.788.809.814	43.636.171.557	-	539.424.981.371
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>54.243.544.893</u>
<i>Tổng nợ phải trả</i>				<u><u>613.642.262.320</u></u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	461.835.015.370	133.370.289.064	-	595.205.304.434
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	<u>227.891.956.806</u>
<i>Tổng tài sản</i>				<u><u>823.097.261.240</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	380.310.530.029	43.287.910.359	-	423.598.440.388
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	<u>165.380.456.528</u>
<i>Tổng nợ phải trả</i>				<u><u>588.978.896.916</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	-	
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	-
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	-	

5. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ, Tập đoàn thay đổi thời gian khấu hao một số máy móc thiết bị vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao kỳ này giảm so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.761.033.956	40.108.270.169	52.761.033.956	40.108.270.169
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.208.543.360	26.652.000.000	23.208.543.360	26.652.000.000
Phải thu khách hàng	346.808.412.893	287.522.911.492	346.808.412.893	287.522.911.492
Các khoản phải thu khác	-	12.353.255.522	-	12.353.255.522
Cộng	468.149.250.461	366.636.437.183	468.149.250.461	366.636.437.183
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	177.816.284.095	178.224.221.015	177.816.284.095	178.224.221.015
Phải trả cho người bán	189.638.322.072	177.314.835.152	189.638.322.072	177.314.835.152
Các khoản phải trả khác	133.979.494.476	120.707.442.222	133.979.494.476	120.707.442.222
Cộng	501.434.100.643	476.246.498.389	501.434.100.643	476.246.498.389

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Tài sản cố định là trụ sở làm việc và một số máy móc thiết bị	11.796.197.954	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Nhà cửa, vật kiến trúc	28.223.939.072	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Máy móc và thiết bị	32.541.351.565	
Cộng	72.561.488.591	
Số đầu năm		
Tài sản cố định là trụ sở làm việc và một số máy móc thiết bị	12.058.861.382	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.768.729.731	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Máy móc và thiết bị	34.412.614.957	
Cộng	76.240.206.070	

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	147.169.454.728	28.046.966.562	2.599.862.697	177.816.283.987
Phải trả người bán	166.996.658.112	22.641.663.960	-	189.638.322.072
Các khoản phải trả khác	131.479.494.476	2.500.000.000	-	133.979.494.476
Cộng	445.645.607.316	53.188.630.522	2.599.862.697	501.434.100.535
Số đầu năm				
Vay và nợ	134.860.682.470	43.363.538.545	-	178.224.221.015
Phải trả cho người bán	177.314.835.152	-	-	177.314.835.152
Các khoản phải trả khác	119.375.082.961	1.332.359.261	-	120.707.442.222
Cộng	431.550.600.583	44.695.897.806	-	476.246.498.389

10. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này		
Tăng	+ 2%	(2.022.910.237)
Giảm	- 2%	2.022.910.237
Kỳ trước		
Tăng	+ 2%	(2.673.363.315)
Giảm	- 2%	2.673.363.315

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

11. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 .

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngư

Nguyễn Văn Sơn